TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 166/2019/DS-PT
Ngày: 26 - 9- 2019
V/v: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ.

Ông Trần Minh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Phước Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:***

Ông phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hồ Thị Th (Th), sinh năm 1938; cư trú: số 6, tổ 01 ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội H, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền cho bà Hồ Thị Th: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1972, theo văn bản ủy quyền ngày 06.9.2018; cu trú: ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th (Th): Luật sư Trần Tiến V – Văn phòng luật sư Tiến V, đoàn luật sư An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1964, ông Võ An N, sinh năm 1949; cư trú: Số 8 ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+Ông Võ Hồng Y, sinh năm 1976; cư trú: Số 8 ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1976; cư trú: Số 8 ấp Mỹ H, xã Mỹ Hội Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Th (Th) là nguyên đơn.

(Bà H, Luật sư V có mặt, còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Nguyên đơn bà Hồ Thị Th do bà Nguyễn Thị Bích H đại diện ủy quyền trình bày:

Vào ngày 05.7.2012 (al) bà Th (Th) cho bà L vay số tiền 150.000.000 đồng, cam kết trong vòng 10 ngày sẽ trả vốn, lãi suất theo thỏa thuận hai bên là 1,5%/ tháng, bà Th là người trực tiếp giao tiền cho bà L, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng.Việc vay này ông N cũng biết, việc giao nhận tiền không làm biên nhận nợ. Đến ngày 13.7.2016 ông N làm tờ thỏa thuận nợ bằng cách lấy đất của con ông là Võ Hồng Y đứng tên. Ông Y cũng đồng ý giao số đất 1.000m^2 để trả nợ cho bà Th (Th) nhưng sau đó không thực hiện, ông N, bà L cũng không có thế chấp quyền sử dụng đất hay giấy tờ liên quan đến tài sản. Sau nhiều lần bà Th có đến nhà ông N bà L, đòi lại số tiền nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Nay bà Th yêu cầu ông N, bà L, ông Y có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13.7.2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Bị đơn bà Huỳnh Thị L, ông Võ An N trình bày:

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp L bà Huỳnh Thị L, ông Võ An N, đến Tòa án để tham gia tố tụng vụ án nhưng ông bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông bà.

3. Người có quyền lợi và nhĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Võ Hồng Y trình bày:

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp L ông Y đến Tòa án để tham gia tố tụng vụ án nhưng ông không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông .

3.2. Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà là con của bà Th, bà xác định số tiền tranh chấp không liên quan đến bà tiền của bà Th, bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

-Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ các điều: 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Các điều: 26, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Th (Th):

- Buộc ông Võ An N, bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Th (Th) số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 39.150.000đ (Ba mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tổng cộng vốn và lãi là 189.150.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Hồng Y có nghĩa vụ liên đới cùng bà Huỳnh Thị L, ông Võ An N trả số tiền vay 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2019, bà Hồ Thị Th (Th) có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại số tiền nợ buộc trách nhiệm liên đới của ông Võ Hồng Y cùng ông Võ An N và bà Huỳnh Thị L trả nợ vay cho nguyên đơn và yêu cầu điều chỉnh lãi suất vay theo quy định 18%/năm tính từ tháng 7/2013 đến tháng 5/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2019, bà Hồ Thị Th (Th) có đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và rút lại một phần yêu cầu kháng cáo, có cung cấp chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập, không có kháng cáo.

- Ông Võ Hồng Y, ông Võ An N và bà Huỳnh Thị L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th trình bày:

Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Th, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút lại không kháng cáo điều chỉnh lãi suất 18%/ 1 năm .

- Kiểm sát viên trình bày ý kiến:

+Việc tuân theo pháp luật:

Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+Về nội dung vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Th về việc buộc trách nhiệm liên đới ông Võ Hồng Y, bà Huỳnh Thị L, Võ An N trả nợ cho bà Hồ Thị Th. Đình chỉ phần kháng cáo rút yêu cầu tính lãi suất 18%/ 1 năm. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, phát biểu của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo tờ thoả thuận ngày 13/7/2016 do ông Võ An N viết nội dung có đồng ý trả số nợ 150.000.000 đồng cho bà Hồ Thị Th đã có căn cứ xác định giữa bà Huỳnh Thị L và ông Võ An N với bà Hồ Thị Th có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật đến nay ông bà chưa thanh toán số tiền nợ nên nguyên đơn bà Th yêu cầu đòi số tiền còn nợ vay vốn 150.000.000 đồng, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ. Bà Th không đồng ý kháng cáo yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới của ông N bà L và ông Y trả số tiền nợ vay.

Nhận thấy, trong tờ thoả thuận ngày 13/7/2016 ông N đồng ý trả nợ vay cho bà Th bằng giá trị diện tích đất 1.300 m^2 do ông Võ Hồng Y đứng tên để trừ nợ và lãi dứt điểm. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã được trích lục thể hiện ý kiến của ông Võ Hồng Y về việc ông đồng ý theo thỏa thuận của ông N giao đất của ông để trừ nợ của cha mẹ. Ngoài ra bà Th có cung cấp chứng cứ tại phiên tòa là 01 biên nhận nợ bản chính của bà L xác lập nợ vay vơi bà Th vào năm 2013 số tiền 150.000.000 đồng là có thật cho đến năm 2015 ông N và bà L lại làm thủ tục tặng cho toàn bộ tài sản chung vợ chồng là diện tích đất 1.300 m^2 cho con trai là ông Võ Hồng Y đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ là nhằm né tránh nghĩa vụ trả nợ đối với bà Th. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà L, ông N có trách nhiệm trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và tiền lãi 39.150.000 đồng là chưa xem xét toàn diện chứng cứ. Yêu cầu kháng cáo của bà Th có căn cứ, buộc trách nhiệm liên đới ông Võ Hồng Y, bà Huỳnh Thị L, Võ An N trả nợ cho bà Hồ Thị Th số tiền nợ vốn 150.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền lãi cấp sơ thẩm xét xử là 39.150.000 đồng bà Th không đồng ý nên có kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà H đại diện ủy quyền của bà Th tự nguyện rút lại phần yêu cầu tính lãi suất 18%/1 năm và chấp nhận số tiền lãi 39.150.000 đồng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo.

Như vậy buộc trách nhiệm liên đới ông Võ Hồng Y, bà Huỳnh Thị L, Võ An N trả nợ cho bà Hồ Thị Th số tiền vốn và lãi là 189.150.000 đồng là phù hợp.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án, vụ án được thụ lý ngày 20/8/2018 và xét xử sơ thẩm vào ngày 24/5/2019 nên phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Do cấp sơ thẩm tuyên: "*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án*" là chưa phù hợp nên cần sửa lại cách tuyên án như sau:*"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".*

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên, của Luật sư chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị Th về việc buộc ông Võ Hồng Y liên đới trách nhiệm với bà Huỳnh Thị L, Võ An N trả nợ cho bà Hồ Thị Th số tiền 189.150.000 đồng, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kháng cáo của bà Th, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Ông Võ Hồng Y, bà Huỳnh Thị L, Võ An N liên đới trách nhiệm đóng án phí sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm:

- Bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và L phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Th (Th).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Th (Th) đối với yêu cầu điều chỉnh lãi suất 18%/1 năm.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS- ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang, nội dung như sau:

" *Buộc bà Huỳnh Thị L, Võ An N và ông Võ Hồng Y cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Hồ Thị Th (Th) số tiền 189.150.000 đồng (Một trăm tám*

mươi chín triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị L, Võ An N và ông Võ Hồng Y cùng có trách nhiệm liên đới đóng án phí sơ thẩm số tiền là 9.457.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

-Về án phí phúc thẩm:

Bà Hồ Thị Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Nội dung còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS- ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang không có kháng cáo kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Huyền Trân

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND huyện Tịnh Biên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THA-DS huyện Tịnh Biên;
- Phòng KTNV và THA-HS;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Huyền Trân